

**NGHĨA VỤ QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRONG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THỂ HỆ MỚI
CỦA VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN NGHĨA VỤ ERGA OMNES**

NGUYỄN THỊ HẠNH *

NGUYỄN HỮU KHÁNH LINH **

Ngày nhận bài: 02/10/2025

Ngày phản biện: 09/01/2026

Ngày đăng bài: 25/04/2026

Tóm tắt:

Bài viết này phân tích sự phát triển lý luận pháp lý về nghĩa vụ erga omnes từ án lệ Barcelona Traction (1970) đến Ý kiến tư vấn năm 2025 của Tòa án Công lý quốc tế về nghĩa vụ chung của quốc gia đối với khí hậu (ICJ AO 2025). Bài viết sử dụng phương pháp phân tích học thuyết, giải thích điều ước quốc tế và so sánh pháp lý. Trên cơ sở đó, bài viết làm rõ tác động của nghĩa vụ này tới việc hiểu và thực thi các cam kết môi trường trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP). Kết quả cho thấy: (i) Cần phân biệt giữa nghĩa vụ erga omnes và nghĩa vụ erga omnes partes trong lĩnh vực khí hậu; (ii) Các cam kết môi trường không chỉ gắn với thương mại mà còn với trách nhiệm pháp lý toàn cầu về khí hậu; (iii) Việt Nam đang

Abstract:

This study examines the doctrinal development of erga omnes obligations from the Barcelona Traction case (1970) to ICJ AO 2025. It employs doctrinal analysis, treaty interpretation, and comparative legal analysis. On that basis, the article clarifies the implications of such obligations for the interpretation and implementation of environmental commitments in next-generation free trade agreements, particularly the EVFTA and the CPTPP. The findings show that: (i) A distinction must be drawn between erga omnes obligations and erga omnes partes obligations in the field of climate law; (ii) Environmental commitments are linked not only to trade, but also to global legal responsibility for climate change; and (iii) Vietnam is gradually internalising the spirit of erga omnes, while continuing to face financial, technological, and institutional

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hanhnt@hul.edu.vn.

** ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: linhnhk@hul.edu.vn.

dẫn nội luật hóa tinh thần erga omnes nhưng đối mặt thách thức tài chính, công nghệ và thể chế. Từ đó, bài viết gợi mở cách tiếp cận phù hợp cho Việt Nam trong nội luật hóa, tổ chức thực thi và huy động hợp tác quốc tế nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các cam kết khí hậu trong bối cảnh hội nhập thương mại xanh.

Từ khóa:

Biến đổi khí hậu, nghĩa vụ erga omnes, EVFTA, CPTPP, pháp luật Việt Nam.

Keywords:

Climate change, erga omnes obligations, EVFTA, CPTPP, Vietnamese law.

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức toàn cầu lớn nhất, với tác động sâu rộng đến hệ sinh thái, kinh tế - xã hội, quyền con người và trật tự pháp lý quốc tế¹. Trong nhiều thập kỷ, các nguyên tắc cơ bản của luật môi trường quốc tế đã được ghi nhận trong Tuyên bố Stockholm năm 1972² (Nguyên tắc 21); Tuyên bố Rio năm 1992³ (Nguyên tắc 7); Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu năm 1992 (UNFCCC)⁴ (Điều 3); Nghị định thư Kyoto năm 1997⁵ (Điều 2); và Hiệp định Paris

¹ Sands & Peel (2018), *Principles of International Environmental Law*, 4th ed., Cambridge University Press, London, tr. 2. Xem tại: <https://doi.org/10.1017/9781108355728>

² Tuyên bố Stockholm năm 1972 (*Stockholm Declaration on the Human Environment*) là văn kiện quốc tế quan trọng được thông qua tại Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường con người (United Nations Conference on the Human Environment), diễn ra tại Stockholm (Thụy Điển) từ ngày 5-16/6/1972. Đây được coi là “Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất” lần thứ nhất, đánh dấu sự ra đời chính thức của luật môi trường quốc tế hiện đại.

³ Tuyên bố Rio năm 1992 (*Rio Declaration on Environment and Development*) là văn kiện quốc tế được thông qua tại Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và Phát triển (United Nations Conference on Environment and Development - UNCED), còn gọi là Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất (Earth Summit), tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) từ ngày 03-14/6/1992.

⁴ Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu năm 1992 (UNFCCC) là một trong ba điều ước quốc tế quan trọng được thông qua tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất ở Rio de Janeiro (Brazil), tháng 6/1992, cùng với Công ước Đa dạng sinh học (CBD) và Tuyên bố Rio năm 1992.

⁵ Nghị định thư Kyoto năm 1997 (Kyoto Protocol) là một điều ước quốc tế được thông qua ngày 11/12/1997 tại Kyoto, Nhật Bản, trong khuôn khổ UNFCCC.

năm 2015⁶ (Điều 2). Tuy nhiên, các văn kiện này vẫn thiếu cơ chế cưỡng chế mạnh mẽ, chủ yếu dựa vào sự thiện chí thực thi của từng quốc gia.⁷ Ngày 23/7/2025, Tòa án Công lý quốc tế (ICJ) công bố ICJ AO 2025 xác định rõ nghĩa vụ pháp lý quốc gia về khí hậu xuất phát không chỉ từ điều ước mà còn từ tập quán quốc tế và nguyên tắc chung của luật quốc tế. Theo đó, quốc gia có nghĩa vụ: (i) Ngăn ngừa thiệt hại xuyên biên giới; (ii) Hợp tác quốc tế; và (iii) Bảo đảm quyền con người cơ bản, đặc biệt là quyền sống trong môi trường an toàn.

Từ đó, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi: một là, ICJ AO 2025 tác động như thế nào đến cách hiểu nghĩa vụ khí hậu của quốc gia; hai là, các cam kết khí hậu trong CPTPP, EVFTA và UKVFTA phản ánh bản chất pháp lý nào dưới góc nhìn erga omnes và erga omnes partes; ba là, Việt Nam có thể tiếp cận và thực thi các cam kết này như thế nào. Để trả lời các câu hỏi đó, bài viết sử dụng phương pháp phân tích học thuyết, giải thích điều ước quốc tế và so sánh pháp lý. Bài viết được triển khai theo một trục lập luận từ sự phát triển của nghĩa vụ khí hậu trong luật quốc tế hiện đại, đến cách các FTA thế hệ mới ghi nhận, cụ thể hóa các nghĩa vụ này và cuối cùng là hệ quả đối với định hướng nội luật hóa và tổ chức thực hiện tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về nghĩa vụ erga omnes trong luật quốc tế

2.1. Khái niệm và nguồn gốc nghĩa vụ erga omnes

Khái niệm erga omnes, với nghĩa gốc Latinh là “đối với tất cả mọi người”⁸ được ICJ lần đầu xác lập trong vụ Barcelona Traction năm 1970 như một bước ngoặt trong luật quốc tế công, nhằm phân biệt nghĩa vụ song phương với những nghĩa vụ hướng tới cộng đồng quốc tế nói chung⁹. Trong phán quyết này, ICJ nhấn mạnh rằng có những nghĩa vụ mà bản chất của chúng gắn với lợi ích thiết yếu của nhân loại, và vì vậy “tất cả các quốc gia đều có lợi ích pháp lý trong việc bảo vệ” những nghĩa vụ đó; đây là những nghĩa vụ erga omnes. Những ví dụ điển hình về erga omnes được ICJ liệt kê bao gồm cấm xâm lược, cấm diệt chủng, cấm nô lệ, chống phân biệt chủng tộc và bảo đảm quyền dân tộc tự quyết. Sau đó, ICJ tiếp tục khẳng định tính chất erga omnes

⁶ Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu năm 2015 là một điều ước quốc tế được thông qua ngày 12/12/2015 tại Hội nghị các Bên lần thứ 21 (COP21) của Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) tại Paris, Pháp.

⁷ Daniel Bodansky, Jutta Brunnée, Lavanya Rajamani (2017), *International Climate Change Law*, Oxford University Press, United Kingdom, tr. 20, truy cập tại <https://doi.org/10.1093/law/9780199664290.001.0001>

⁸ Crawford (2019), *Brownlie's Principles of Public International Law*, 9th ed., Oxford University Press, United Kingdom, tr. 596, truy cập tại <https://doi.org/10.1093/he/9780198737445.001.0001>

⁹ ICJ (1970), *Barcelona Traction, Light and Power Company, Limited (Belgium v. Spain), Second Phase, Judgment*, I.C.J. Reports 1970, tr.32.

của quyền dân tộc tự quyết trong vụ East Timor¹⁰. Như vậy, quyền tự quyết không chỉ là một nguyên tắc chính trị mà còn trở thành một nghĩa vụ pháp lý cộng đồng, buộc mọi quốc gia phải tôn trọng, ngay cả khi không có quan hệ song phương trực tiếp với dân tộc bị ảnh hưởng.

Bước tiến tiếp theo xuất hiện trong vụ Questions relating to the Obligation to Prosecute or Extradite (Belgium v. Senegal) năm 2012, ICJ mở rộng khái niệm sang phạm vi điều ước, cho rằng nghĩa vụ truy tố hoặc dẫn độ (aut dedere aut judicare) theo Công ước Chống tra tấn 1984 (Convention against Torture and Other Cruel, Inhuman or Degrading Treatment or Punishment - CAT) là nghĩa vụ đối với mọi quốc gia thành viên (erga omnes partes)¹¹. ICJ khẳng định rằng tất cả các quốc gia thành viên đều có lợi ích pháp lý chung trong việc bảo đảm tuân thủ nghĩa vụ này, và từ đó định hình khái niệm erga omnes partes như một biến thể của erga omnes nhưng giới hạn trong phạm vi các bên tham gia một điều ước đa phương.

Bên cạnh các án lệ của ICJ, các học giả quốc tế cũng có các nghiên cứu về nghĩa vụ erga omnes. Trong số các công trình nền tảng, James Crawford (2012) tiếp tục củng cố luận điểm này khi phân tích nghĩa vụ cộng đồng như một trong những nền tảng để diễn giải cho cơ chế trách nhiệm quốc gia trong luật quốc tế hiện đại¹². Đối với lĩnh vực môi trường, Philippe Sands và Jacqueline Peel (2018) đã nhấn mạnh rằng ứng phó biến đổi khí hậu cần được coi là lợi ích chung của nhân loại và mang tính chất erga omnes¹³. Về cam kết môi trường trong các hiệp định thương mại, Federico Ortino (2024) phân tích xu hướng “khí hậu hóa” (climatisation) của luật thương mại quốc tế, khi các FTA viện dẫn trực tiếp Hiệp định Paris 2015 và thiết lập cơ chế giám sát phát triển bền vững. Voigt (2016) tiếp tục lập luận rằng Hiệp định Paris, mặc dù không phải là một điều ước với cơ chế cưỡng chế mạnh, đã tạo ra khung pháp lý vừa mang tính soft law và hard law, thúc đẩy quốc gia thực hiện nghĩa vụ khí hậu với tính chất ngày càng tiệm cận erga omnes¹⁴.

Tổng quan các nghiên cứu, các công trình nghiên cứu quốc tế đã bước đầu đặt nền móng lý luận cho việc áp dụng erga omnes trong các điều khoản về môi trường và thương mại, thì ICJ AO 2025 góp phần củng cố lập luận rằng một số nghĩa vụ khí hậu

¹⁰ ICJ (1995), *East Timor (Portugal v. Australia)*, Judgment, ICJ Reports 1995, tr. 102.

¹¹ ICJ (2012), *Questions relating to the Obligation to Prosecute or Extradite (Belgium v. Senegal)*, Judgment, ICJ Reports 2012, tr. 449.

¹² Crawford (2019), *Idđ*, tr. 596.

¹³ Sands & Peel (2018), *Principles of International Environmental Law*, 4th ed., Cambridge University Press, London, tr. 2. Xem tại: <https://doi.org/10.1017/9781108355728>.

¹⁴ Christina Voigt (2016), *The Paris Agreement: What Is the Standard of Conduct for Parties?*, Questions of International Law, Vol. 57, tr. 25, truy cập tại <https://www.qil-qdi.org/paris-agreement-standard-conduct-parties/>, truy cập ngày 12/7/2025.

có thể được nhìn nhận dưới góc độ lợi ích cộng đồng quốc tế, trong khi các nghĩa vụ phát sinh từ các điều ước khí hậu cụ thể chủ yếu vẫn cần được xem xét trong phạm vi erga omnes partes. Erga omnes là nghĩa vụ hướng tới cộng đồng quốc tế nói chung. Erga omnes partes là nghĩa vụ mang tính cộng đồng nhưng giới hạn trong phạm vi các quốc gia thành viên của điều ước. Jus cogens lại là chuẩn mực mệnh lệnh chung, không đồng nhất với cả hai khái niệm trên. Erga omnes và jus cogens có mối liên hệ nhất định trong thực tiễn diễn giải luật quốc tế, nhưng đây là hai phạm trù không đồng nhất. Không phải mọi nghĩa vụ erga omnes đều đương nhiên phát triển thành jus cogens, và luật quốc tế hiện hành chưa ghi nhận một cơ chế chuyển hóa tự động giữa hai loại nghĩa vụ này. Từ đó có thể thấy, erga omnes và erga omnes partes không phải là hai khái niệm thay thế cho nhau, mà là hai tầng nghĩa vụ khác nhau về phạm vi chủ thể thụ hưởng và cấu trúc lợi ích được bảo vệ. Việc phân biệt hai tầng nghĩa vụ này là điều kiện tiên quyết để phân tích đúng bản chất pháp lý của các cam kết khí hậu trong FTA.

2.2. Nội dung nghĩa vụ chung của quốc gia về khí hậu dưới góc nhìn erga omnes

2.2.1. Nghĩa vụ ngăn ngừa thiệt hại xuyên biên giới

Nghĩa vụ ngăn ngừa thiệt hại xuyên biên giới vốn được ghi nhận từ lâu trong tập quán quốc tế, điển hình qua vụ Trail Smelter Arbitration (1941)¹⁵ và được ICJ khẳng định trong các vụ Corfu Channel (1949)¹⁶ và Pulp Mills on the River Uruguay (2010)¹⁷, được mở rộng áp dụng trực tiếp vào lĩnh vực khí hậu¹⁸. Cụ thể, nghĩa vụ bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi quyền tài phán quốc gia không gây tổn hại đáng kể đến hệ thống khí hậu và môi trường toàn cầu có thể được lập luận là mang đặc tính erga omnes ở mức độ nhất định. Về hệ quả pháp lý, ICJ áp dụng nguyên tắc trách nhiệm quốc tế của quốc gia, khẳng định rằng vi phạm nghĩa vụ chung của quốc gia về khí hậu sẽ dẫn tới nghĩa vụ chấm dứt hành vi vi phạm, bảo đảm không tái phạm và thực hiện bồi thường. ICJ chỉ rõ: “Duty of cessation and guarantees of non-repetition... Duty to make reparation, including restitution, compensation and satisfaction”¹⁹. Trong trường hợp nghiêm trọng, vi phạm có thể làm phát sinh trách nhiệm quốc tế của quốc gia, song việc áp dụng các phản ứng tập thể còn phụ thuộc vào cơ chế pháp lý cụ thể của từng khuôn khổ quốc tế.

¹⁵ Trail Smelter Arbitration (United States v. Canada) (1941), Arbitral Tribunal, 1941, *Reports of International Arbitral Awards*, Vol. III, tr. 1965.

¹⁶ ICJ (1949), *Corfu Channel case (United Kingdom v. Albania)*, Judgment of 9 April 1949, I.C.J. Reports 1949, tr. 4.

¹⁷ ICJ (2010), *Pulp Mills on the River Uruguay (Argentina v. Uruguay)*, Judgment, I.C.J. Reports 2010, tr. 14.

¹⁸ ICJ (2025), *Advisory Opinion on Obligations of States in respect of Climate Change*, tr. 440.

¹⁹ ICJ (2025), *Advisory Opinion on Obligations of States in respect of Climate Change*, tr. 443.

ICJ AO 2025 có thể được xem là tiếp nối và phát triển theo hướng diễn giải mạch pháp lý này. Trong đó, các nghĩa vụ phát sinh từ tập quán quốc tế có xu hướng được diễn giải theo hướng erga omnes, trong khi các nghĩa vụ từ điều ước như UNFCCC và Hiệp định Paris vẫn chủ yếu mang tính erga omnes partes. Nội hàm của nghĩa vụ ngăn ngừa trong bối cảnh khí hậu được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn due diligence, đòi hỏi quốc gia phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp về lập pháp, hành chính, kỹ thuật và tư pháp để hạn chế nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng.

2.2.2. Nghĩa vụ hợp tác quốc tế

Nguyên tắc hợp tác quốc tế từ lâu đã được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của trật tự pháp lý quốc tế hiện đại. Hợp tác quốc tế là một nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế hiện đại và được khẳng định trong Nghị quyết 2625 (XXV) năm 1970 của Đại hội đồng Liên hợp quốc²⁰. ICJ nhấn mạnh rằng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, hợp tác đã trở thành một nghĩa vụ pháp lý tích cực (*positive legal obligation*) có giá trị ràng buộc²¹. ICJ cho rằng đối với những thách thức xuyên biên giới như nước biển dâng, các quốc gia không còn quyền lựa chọn hợp tác hay không, mà buộc phải thực hiện trách nhiệm này trong khuôn khổ tập quán quốc tế cũng như các điều ước khí hậu.

2.2.3. Nghĩa vụ bảo đảm quyền con người

ICJ AO 2025 ghi nhận rằng “The Court therefore considers that the adverse effects of climate change may impair the effective enjoyment of human rights... including the right to life itself”²². Biến đổi khí hậu đe dọa trực tiếp việc thụ hưởng các quyền con người cơ bản, đặc biệt là quyền sống và quyền được sống trong môi trường an toàn. Nghĩa vụ bảo đảm quyền con người trong bối cảnh biến đổi khí hậu được ICJ diễn giải như một nghĩa vụ kép: vừa thuộc phạm vi luật môi trường quốc tế (trách nhiệm ngăn ngừa và thích ứng), vừa thuộc phạm vi luật nhân quyền quốc tế (bảo đảm các quyền cơ bản). Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc trong Bình luận chung số 36 về Điều 6 ICCPR (2018) đã khẳng định rằng quyền sống bao hàm cả quyền được bảo vệ khỏi các mối đe dọa môi trường nghiêm trọng, trong đó có biến đổi khí hậu²³. Tương tự, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc trong Nghị quyết số 48/13 (2021) đã chính

²⁰ Đại hội đồng Liên hợp quốc (1970), *Declaration on Principles of International Law concerning Friendly Relations and Co-operation among States in accordance with the Charter of the United Nations*, GA Res. 2625 (XXV), 24 October 1970.

²¹ ICJ (2025), *Tlđđ*, tr. 41.

²² ICJ (2025), *Tlđđ*, tr. 57.

²³ Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc (2018), *General Comment No. 36 on Article 6 of the ICCPR*, on the right to life, CCPR/C/GC/36, 30 October 2018, tr. 62.

thức công nhận quyền được hưởng một môi trường trong lành là một quyền con người cơ bản²⁴. Cách tiếp cận này góp phần củng cố nền tảng cho climate justice trong việc kết nối luật môi trường với luật nhân quyền²⁵.

Vì vậy, ICJ AO 2025 góp phần làm rõ nghĩa vụ khí hậu đối với cộng đồng quốc tế. ICJ AO 2025 không đơn thuần bổ sung nội dung cho luật khí hậu quốc tế, mà còn cung cấp một khuôn khổ diễn giải quan trọng để nhận diện bình diện cộng đồng của một số nghĩa vụ khí hậu, đồng thời vẫn bảo lưu ranh giới với các nghĩa vụ điều ước mang tính erga omnes partes.

3. Cam kết môi trường liên quan đến biến đổi khí hậu trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên và thực tiễn thực thi

3.1. Các cam kết môi trường liên quan đến biến đổi khí hậu trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên

CPTPP (năm 2018, có hiệu lực năm 2019)²⁶ ở Chương 20 về Môi trường đã thiết lập ràng buộc pháp lý cụ thể trong việc duy trì và nâng cao tiêu chuẩn bảo vệ môi trường (BVMT). EVFTA (năm 2019, có hiệu lực năm 2020)²⁷ thông qua Chương 13 về Thương mại và Phát triển bền vững đã xây dựng các điều khoản về môi trường và lao động thành mục tiêu trung tâm, gắn với các chương trình nghị sự toàn cầu như Agenda 21 và Agenda 2030.

Thứ nhất, quy định về biến đổi khí hậu trong CPTPP.

CPTPP không thiết kế một điều khoản riêng cho biến đổi khí hậu, nhưng vẫn bao quát nội dung này thông qua Điều 20.3 về cam kết chung. Các Bên tái khẳng định nghĩa vụ thực hiện hiệu quả các điều ước môi trường đa phương mà mình là thành viên, trong đó có Hiệp định Paris. Như vậy, nghĩa vụ chung của quốc gia về khí hậu được lồng ghép trong cơ chế pháp lý rộng hơn, gắn với nguyên tắc non-regression và yêu cầu thực thi hiệu quả luật môi trường trong nước. Đây là cách tiếp cận linh hoạt nhưng có hiệu lực cao, vì Chương 20 của CPTPP thuộc phạm vi điều chỉnh của cơ chế giải quyết tranh chấp chung (Chương 28)²⁸. CPTPP yêu cầu các thành viên “không

²⁴ Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2021), *Resolution 48/13: The human right to a clean, healthy and sustainable environment*, A/HRC/RES/48/13, 8 October 2021.

²⁵ Mary Robinson Foundation (2011), *Principles of Climate Justice*, truy cập tại <https://www.mrfcj.org/principles-of-climate-justice/>, truy cập ngày 27/8/2025.

²⁶ CPTPP được ký ngày 08/3/2018 tại Santiago, Chile; Nghị quyết số 72/2018/QH14 của Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 12/11/2018; có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019.

²⁷ EVFTA được ký ngày 30/6/2019 tại Hà Nội; Nghị viện châu Âu phê chuẩn ngày 12/2/2020; Nghị quyết số 103/2020/QH14 của Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 08/6/2020; có hiệu lực từ ngày 01/8/2020.

²⁸ Harrison, J. et al. (2019), *Governing Labour and Environmental Standards in Free Trade Agreements*, Springer, Hoa Kỳ, tr. 157, truy cập tại <https://doi.org/10.1111/jcms.12715>.

được hạ thấp hoặc bãi bỏ các quy định môi trường trong nước nhằm khuyến khích thương mại hoặc đầu tư” (Điều 20.3). Điều này có nghĩa là các vi phạm về nghĩa vụ môi trường, bao gồm cả nghĩa vụ thực hiện Hiệp định Paris, có thể được đưa ra trọng tài nhà nước - nhà nước và dẫn đến các biện pháp trừng phạt thương mại như đình chỉ nhượng bộ. Dưới góc nhìn erga omnes, nghĩa vụ không hạ chuẩn môi trường trong CPTPP có thể được xem là một điều khoản thúc đẩy bảo vệ lợi ích khí hậu chung; tuy nhiên, về phương diện pháp lý, việc xếp điều khoản này vào nghĩa vụ erga omnes hay chỉ dừng ở erga omnes partes vẫn cần được xem xét thận trọng. Về bản chất pháp lý, CPTPP tạo mức độ ràng buộc cao hơn vì các nghĩa vụ môi trường nằm trong cơ chế giải quyết tranh chấp chung. Do đó, nghĩa vụ không hạ chuẩn môi trường trong CPTPP không chỉ mang ý nghĩa chính sách mà còn có khả năng được tư pháp hóa ở cấp độ liên quốc gia.

Thứ hai, quy định về biến đổi khí hậu trong EVFTA.

EVFTA dành Điều 13.6 để quy định riêng về biến đổi khí hậu. Điều khoản này khẳng định lại nghĩa vụ của các Bên trong khuôn khổ UNFCCC và Hiệp định Paris, đồng thời nhấn mạnh hợp tác trong thương mại và đầu tư nhằm hỗ trợ mục tiêu giảm phát thải và phát triển nền kinh tế các-bon thấp. Cách thiết kế này mang tính đột phá, bởi thay vì chỉ cho phép viện dẫn ngoại lệ môi trường để bảo vệ chính sách khí hậu như trong hệ thống GATT/WTO, EVFTA đã nâng biến đổi khí hậu thành một mục tiêu hợp pháp gắn trực tiếp với thương mại²⁹. Tuy nhiên, cơ chế thực thi của EVFTA vẫn thiên về hợp tác và đối thoại. Điều 13.4.3 quy định: “Các Bên khẳng định cam kết thực thi hiệu quả Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu”. Theo cách hiểu truyền thống, đây chỉ là nghĩa vụ erga omnes partes, ràng buộc giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu với tư cách các thành viên của Hiệp định Paris năm 2015. Tuy nhiên, dưới góc nhìn erga omnes mà ICJ AO 2025 đã xác lập, điều khoản này cần được giải thích rộng hơn: việc Việt Nam thực thi Hiệp định Paris năm 2015 không chỉ nhằm đáp ứng cam kết với EU, mà còn thể hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng quốc tế nói chung. Ngược lại, EVFTA đặt trọng tâm vào tham vấn, đối thoại và hội đồng chuyên gia, do đó mức độ cưỡng chế thấp hơn CPTPP. Điều này cho thấy các điều khoản khí hậu trong EVFTA gần với cách tiếp cận thúc đẩy tuân thủ hơn là cách tiếp cận như một chế tài.

So sánh hai cơ chế cho thấy không phải mọi cam kết môi trường trong FTA đều tự động tạo thành nghĩa vụ cộng đồng. Mức độ tiến gần tới erga omnes hay erga omnes

²⁹ Pauwelyn, J. (2003), *Conflict of Norms in Public International Law: How WTO Law Relates to other Rules of International Law*, Cambridge University Press, London, tr. 217, truy cập tại <https://doi.org/10.1017/CBO9780511494550>.

partes còn phụ thuộc vào nguồn gốc nghĩa vụ, thiết kế điều khoản và cơ chế thực thi của từng hiệp định. Do đó, điểm khác biệt giữa CPTPP và EVFTA không chỉ nằm ở việc có hay không có điều khoản khí hậu, mà còn nằm ở cách xây dựng điều khoản và mức độ cường chế của cơ chế thực thi, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến cách xác định bản chất nghĩa vụ của từng cam kết môi trường.

3.2. Cách tiếp cận nghĩa vụ erga omnes và thực thi cam kết về biến đổi khí hậu trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên

Từ cách phân biệt giữa erga omnes và erga omnes partes ở trên, vấn đề đặt ra không còn chỉ là Việt Nam đã ban hành những chính sách nào, mà là Việt Nam nên tiếp cận việc thực hiện các cam kết khí hậu trong FTA theo cách nào để vừa phù hợp với điều kiện phát triển, vừa đáp ứng xu hướng nghĩa vụ vì lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay, khái niệm erga omnes không được quy định trực tiếp, nhưng nhiều văn bản pháp luật và chính sách quốc gia đã thể hiện tinh thần của nghĩa vụ này, đặc biệt trong bối cảnh ICJ AO 2025 củng cố cách hiểu rằng ứng phó biến đổi khí hậu gắn với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. Các nghĩa vụ phát sinh từ tập quán quốc tế và gắn với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, như nghĩa vụ ngăn ngừa thiệt hại môi trường nghiêm trọng và nghĩa vụ hợp tác quốc tế trong ứng phó biến đổi khí hậu, có thể được tiếp cận theo hướng gắn với erga omnes. Trong khi đó, các nghĩa vụ phát sinh trực tiếp từ UNFCCC, Hiệp định Paris và các điều khoản khí hậu cụ thể trong EVFTA hay CPTPP, về cơ bản vẫn cần được nhận diện chủ yếu trong bình diện nghĩa vụ điều ước và erga omnes partes.

Từ góc độ pháp luật trong nước, Việt Nam đã có những nền tảng hiến định và lập pháp quan trọng để tiếp nhận các nghĩa vụ khí hậu theo hướng gắn quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm với lợi ích công cộng rộng hơn. Hiến pháp năm 2013 xác lập nền tảng hiến định cho việc gắn phát triển kinh tế - xã hội với BVMT, đồng thời thể hiện định hướng tham gia có trách nhiệm vào các nỗ lực quốc tế. Đây có thể được xem là cơ sở hiến định để Việt Nam tiếp cận các nghĩa vụ môi trường theo hướng không chỉ giới hạn trong phạm vi lợi ích quốc gia, mà còn gắn với lợi ích chung rộng hơn³⁰. Luật BVMT năm 2020 tiếp tục cụ thể hóa định hướng thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường và khí hậu. Điều 139 Luật BVMT năm 2020 đề cập đến việc tham gia cơ chế thị trường carbon quốc tế, cho thấy Việt Nam đã từng bước xây dựng cơ sở pháp lý trong nước để thực hiện các cam kết có liên quan từ Hiệp định Paris. Luật BVMT năm 2020

³⁰ Điều 14, Điều 15 và Điều 63 Hiến pháp năm 2013.

tiếp tục cụ thể hóa định hướng này khi quy định cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động BVMT; chủ thể gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. Luật này đồng thời nhấn mạnh hoạt động BVMT phải gắn liền với BVMT khu vực và toàn cầu. Như vậy, dù chưa sử dụng thuật ngữ *erga omnes*, pháp luật Việt Nam đã bước đầu thể hiện một cấu trúc tư duy pháp lý trong đó BVMT không chỉ được nhìn như vấn đề nội bộ, mà còn gắn với trách nhiệm vượt ra ngoài phạm vi lợi ích quốc gia thuần túy.

Về chính sách quốc gia, định hướng thực hiện nghĩa vụ khí hậu đã được xác định ngày càng rõ. Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chiến lược và nghị định thể hiện định hướng thực hiện cam kết khí hậu. Có thể kể đến Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050 (2021), Chiến lược tăng trưởng xanh 2021-2030 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg), cùng với Nghị định số 119/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon, đều đặt Việt Nam vào lộ trình Net Zero 2050. Trên thực tế, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quan trọng để cụ thể hóa cam kết khí hậu, trong đó có Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022. Mức đóng góp giảm phát thải của Việt Nam đến năm 2030 so với kịch bản phát triển thông thường đã được nâng lên 15,8 phần trăm đối với đóng góp vô điều kiện và 43,5 phần trăm đối với đóng góp có điều kiện³¹. Cũng theo văn kiện này, để thực hiện phần đóng góp vô điều kiện 15,8 phần trăm vào năm 2030, nhu cầu tài chính gia tăng của Việt Nam vào khoảng 21,7 tỷ USD³²; tổng nhu cầu tài chính cho giai đoạn 2021-2030 được ước tính ở mức 54,99 đến 91,65 tỷ USD theo giá trị hiện tại năm 2020³³. NDC 2022 đồng thời nhấn mạnh Việt Nam là quốc gia đang phát triển chịu tác động nặng nề của thiên tai và có mức độ dễ bị tổn thương cao trước biến đổi khí hậu. Các địa phương và doanh nghiệp cũng bước đầu chủ động đầu tư vào năng lượng tái tạo, tiến hành kiểm kê khí nhà kính và tham gia các sáng kiến thị trường carbon³⁴.

³¹ Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), *Bản cập nhật Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) vào năm 2022*, Hà Nội, tr.11.

³² UNFCCC, *Viet Nam NDC 2022 Update*, 2022, Bảng 4, tr.14.

³³ Chính phủ Việt Nam (2022), *Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050*, Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022.

³⁴ Cục Biến đổi khí hậu (2024), *Thực trạng triển khai kế hoạch thực hiện cam kết Net zero của Việt Nam và các kiến nghị*, Tạp chí Năng lượng Việt Nam. Truy cập tại <https://nangluongvietnam.vn/thuc-trang-trien-khai-ke-hoach-thuc-hien-cam-ket-net-zero-cua-viet-nam-va-cac-kien-nghi-32811.htm> truy cập ngày 28/8/2025.

Song song với đó, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon đã đặt nền tảng cho việc “Việt Nam tham gia cơ chế trao đổi tín chỉ carbon quốc tế, thiết lập thị trường carbon trong nước giai đoạn thí điểm 2025-2027 và vận hành chính thức từ năm 2028”³⁵. Bên cạnh đó, theo thông tin chính thức của Cổng Thông tin điện tử Chính phủ về việc triển khai Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg, danh mục cập nhật năm 2024 có 2.166 cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, trong đó có 1.805 cơ sở thuộc ngành công thương, 75 cơ sở thuộc ngành giao thông vận tải, 229 cơ sở thuộc ngành xây dựng và 57 cơ sở thuộc ngành tài nguyên và môi trường. Những dữ liệu này cho thấy vấn đề trọng tâm hiện nay không còn là Việt Nam có cam kết hay không, mà là Việt Nam có đủ năng lực thể chế, năng lực đo đạc, báo cáo, thẩm định và phối hợp liên ngành để biến cam kết thành cơ chế thực thi có thể kiểm chứng hay không³⁶.

Mặc dù còn nhiều thách thức về năng lực thực thi, cách tiếp cận nghĩa vụ khí hậu theo hướng gắn với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế vẫn có thể đem lại cho Việt Nam thêm cơ sở trong đàm phán quốc tế và huy động nguồn lực phục vụ mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050³⁷. Quá trình hiện thực hóa mục tiêu Net Zero đối diện với nhiều thách thức. Nhu cầu tài chính cho chuyển dịch năng lượng sạch và thích ứng khí hậu là rất lớn, ước tính đến năm 2040 Việt Nam cần tới 368 tỷ USD³⁸. Cùng với đó là hạn chế về công nghệ và nguồn nhân lực, nhất là trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và quản lý carbon³⁹. Vì vậy, để hiện thực hóa mục tiêu Net Zero, yêu cầu đặt ra không chỉ là tiếp tục hoàn thiện pháp luật trong nước, mà còn là mở rộng hợp tác quốc tế trong tiếp cận tài chính, công nghệ và nâng cao năng lực quản trị.

Từ những phân tích trên có thể thấy, cách tiếp cận phù hợp đối với Việt Nam không phải là tuyệt đối hóa bản chất erga omnes của mọi nghĩa vụ khí hậu, mà là phân biệt rõ giữa nghĩa vụ erga omnes, nghĩa vụ erga omnes partes và các nghĩa vụ điều ước cụ thể trong FTA, từ đó lựa chọn cơ chế tiếp nhận, nội luật hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả. Đây mới là cách để Việt Nam vừa bảo đảm tuân thủ các cam kết môi trường

³⁵ Điều 139 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon.

³⁶ Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (2021), *Human Development Report: The Next Frontier - Human Development and the Anthropocene*, tr. 90.

³⁷ Ngân hàng Thế giới (2022), *Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển của Ngân hàng Thế giới*, tr. 61.

³⁸ Ngân hàng Thế giới (2022), *Tlđđ*, tr.18.

³⁹ Thu Giang (2025), Định hình thị trường tín chỉ carbon: Đòi hỏi thể chế mạnh, *Báo Điện tử Chính phủ*. Truy cập tại <https://baohinhphu.vn/dinh-hinh-thi-truong-tin-chi-carbon-doi-hoi-the-che-manh102250617130251138.htm> truy cập ngày 28/8/2025.

trong FTA thế hệ mới, vừa nâng cao vị thế pháp lý của mình trong cấu trúc quản trị khí hậu toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ.

4. Kết luận

Bài viết đã tiếp cận các cam kết về biến đổi khí hậu trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên dưới góc nhìn nghĩa vụ erga omnes, qua đó góp phần làm rõ cơ sở lý luận của việc gắn nghĩa vụ khí hậu với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Về đóng góp học thuật, bài viết cho thấy cần phân biệt chặt chẽ giữa nghĩa vụ erga omnes, nghĩa vụ erga omnes partes và các nghĩa vụ khí hậu phát sinh từ những điều ước quốc tế cụ thể cũng như từ các cam kết môi trường trong FTA. Theo đó, ICJ AO 2025 không nên được hiểu như sự khẳng định tuyệt đối rằng mọi nghĩa vụ khí hậu đều đương nhiên mang bản chất erga omnes, mà cần được nhìn nhận như một bước phát triển quan trọng trong tư duy pháp lý quốc tế, qua đó mở rộng đáng kể không gian học thuật và diễn giải pháp lý đối với nghĩa vụ khí hậu của quốc gia trong mối liên hệ với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Về đóng góp vào chính sách và thực thi, bài viết chỉ ra rằng các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là CPTPP và EVFTA, thiết lập các mức độ ràng buộc khác nhau đối với việc thực hiện cam kết khí hậu và BVMT. Việc thực hiện hiệu quả các cam kết khí hậu trong bối cảnh hội nhập thương mại xanh đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường năng lực thể chế, minh bạch dữ liệu, hoàn thiện cơ chế giám sát và huy động nguồn lực tài chính, công nghệ cho quá trình chuyển dịch xanh. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện cả khung lý luận lẫn định hướng chính sách, góp phần bảo đảm thực hiện hiệu quả các nghĩa vụ khí hậu trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), *Bản cập nhật Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC) năm 2022*, Hà Nội.
2. Bùi Hồng Long (2024), “Cơ hội, thách thức và một số giải pháp nhằm thực hiện cam kết Net-Zero của Việt Nam vào năm 2050”, *Tạp chí Môi trường*. Xem tại: <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/co-hoi-thach-thuc-va-mot-so-giai-phap-nham-thuc-hien-cam-ket-net-zero-cua-viet-nam-vao-nam-2050-30233>, truy cập ngày 27/8/2025.
3. Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

4. Chính phủ (2022), Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050.

5. Crawford (2019), *Brownlie's Principles of Public International Law*, 9th ed., Oxford University Press.

6. Cục Biến đổi khí hậu (2024), “Thực trạng triển khai kế hoạch thực hiện cam kết Net-Zero của Việt Nam và các kiến nghị”, *Tạp chí Năng lượng Việt Nam*. Xem tại: <https://nangluongvietnam.vn/thuc-trang-trien-khai-ke-hoach-thuc-hien-cam-ket-net-zero-cua-viet-nam-va-cac-kien-nghi-32811.htm>, truy cập ngày 28/8/2025.

7. Bodansky, D., Brunnée, J. & Rajamani, L. (2017), *International Climate Change Law*, Oxford University Press.

8. Harrison, J. et al. (2019), *Governing Labour and Environmental Standards in Free Trade Agreements*, Springer.

9. ICJ (1949), *Corfu Channel case (United Kingdom v. Albania)*, Judgment of 9 April 1949, I.C.J. Reports 1949.

10. ICJ (1950), *Interpretation of Peace Treaties with Bulgaria, Hungary and Romania (First Phase)*, Advisory Opinion, I.C.J. Reports 1950.

11. ICJ (1969), *North Sea Continental Shelf (Federal Republic of Germany/Denmark; Federal Republic of Germany/Netherlands)*, Judgment, I.C.J. Reports 1969.

12. ICJ (1970), *Barcelona Traction, Light and Power Company, Limited (Belgium v. Spain)*, Second Phase, Judgment, I.C.J. Reports 1970.

13. ICJ (1995), *East Timor (Portugal v. Australia)*, Judgment, I.C.J. Reports 1995.

14. ICJ (1996), *Legality of the Threat or Use of Nuclear Weapons*, Advisory Opinion, I.C.J. Reports 1996.

15. ICJ (2001), *LaGrand (Germany v. United States of America)*, Judgment, I.C.J. Reports 2001.

16. ICJ (2007), *Application of the Convention on the Prevention and Punishment of the Crime of Genocide (Bosnia and Herzegovina v. Serbia and Montenegro)*, Judgment, I.C.J. Reports 2007.

17. ICJ (2010), *Pulp Mills on the River Uruguay (Argentina v. Uruguay)*, Judgment, I.C.J. Reports 2010.

18. ICJ (2025), *Advisory Jurisdiction*. Xem tại: <https://www.icj-cij.org/advisory-jurisdiction>, truy cập ngày 11/8/2025.

19. ICJ (2025), *Advisory Opinion on Obligations of States in respect of Climate Change*.
20. ICJ (1974), *Nuclear Tests (Australia v. France)*, Judgment, I.C.J. Reports 1974.
21. ILC (2001), *Articles on Responsibility of States for Internationally Wrongful Acts*, Điều 48(1)(b).
22. International Law Commission (2001), *Draft Articles on Responsibility of States for Internationally Wrongful Acts*, *Yearbook of the International Law Commission*, Vol. II (Part Two).
23. Peel, J. & Osofsky, H. M. (2018), *Climate Change Litigation: Regulatory Pathways to Cleaner Energy*, Cambridge University Press.
24. Mary Robinson Foundation (2011), *Principles of Climate Justice*. Xem tại: <https://www.mrfcj.org/principles-of-climate-justice/>, truy cập ngày 27/8/2025.
25. Ngân hàng Thế giới (2022), *Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển của Ngân hàng Thế giới*.
26. OECD & IEA (2021), *Financing Clean Energy Transitions in Emerging and Developing Economies*, OECD Publishing, Paris.
27. Pauwelyn, J. (2003), *Conflict of Norms in Public International Law: How WTO Law Relates to other Rules of International Law*, Cambridge University Press.
28. Rajamani, L. (2006), *Differentiated Responsibilities in International Environmental Law*, Oxford University Press.
29. Sands, P. & Peel, J. (2018), *Principles of International Environmental Law*, 4th ed., Cambridge University Press.
30. Thu Giang (2025), *Định hình thị trường tín chỉ carbon: Đòi hỏi thể chế mạnh*, Báo điện tử Chính phủ. Xem tại: <https://baochinhphu.vn/dinh-hinh-thi-truong-tin-chi-carbon-doi-hoi-the-che-manh-102250617130251138.htm>, truy cập ngày 28/8/2025.
31. *Trail Smelter Arbitration (United States v. Canada)* (1941), Arbitral Tribunal, Reports of International Arbitral Awards, Vol. III.
32. Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc (2018), *General Comment No. 36 on Article 6 of the ICCPR, on the right to life*, CCPR/C/GC/36, 30 October 2018.
33. Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (2021), *Resolution 48/13: The human right to a clean, healthy and sustainable environment*, A/HRC/RES/48/13, 8 October 2021.
34. Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (2021), *Human Development Report: The Next Frontier - Human Development and the Anthropocene*.

35. UNFCCC (2021), *Statement by H.E. Pham Minh Chinh, Prime Minister of Viet Nam at COP26, Glasgow, 1 November 2021*.

36. United Nations General Assembly (1970), *Declaration on Principles of International Law concerning Friendly Relations and Co-operation among States in accordance with the Charter of the United Nations*, GA Res. 2625 (XXV), 24 October 1970.

37. Voigt, C. (2016), “The Paris Agreement: What Is the Standard of Conduct for Parties?”, *Questions of International Law*, Vol. 57. Xem tại: <https://www.qil-qdi.org/paris-agreement-standard-conduct-parties/>, truy cập ngày 12/7/2025.